

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long năm 2025
và định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án 06);

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ trưởng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương;

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 148/TTr-STTTT ngày 26/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

(Kèm theo Đề án)

Điều 2. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo đạt hiệu quả thiết thực.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Doanh nghiệp VT-CNTT;
- Ngân hàng NNVN chi nhánh VL;
- Các cơ quan báo chí;
- Các phòng, ban, TT thuộc VP.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, 18.VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**ĐỀ ÁN
CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH VĨNH LONG
NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 27/12/2024
của UBND tỉnh)

**Phần I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân. Nhiều quốc gia đang phát triển đã phát huy tính tích cực của cuộc cách mạng này để thúc đẩy mạnh mẽ các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Tại Việt Nam, chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước, trong các ngành, lĩnh vực đã bắt đầu diễn ra nhưng chưa mang tính toàn diện, rộng rãi và chuẩn hóa. Chính phủ và chính quyền các cấp đã và đang xây dựng chính phủ điện tử/chính quyền điện tử. Một số thành phố/đô thị đã bước đầu ban hành đề án/kế hoạch và triển khai xây dựng thành phố thông minh.

- Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0. Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” để triển khai Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ. Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về CMCN 4.0 đến năm 2030 tại Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020, Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 tại Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chuyển đổi số là một nội dung, giải pháp chính để chủ động tham gia CMCN 4.0; trước mắt là để chính phủ, chính quyền, doanh nghiệp, xã hội không tụt hậu hoặc thậm chí phá sản; mà có thể tận dụng được xu thế, công nghệ cho phát triển thịnh vượng, thay đổi thứ hạng. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia xác định tầm nhìn đến năm 2030 là “Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong và thử nghiệm các mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp” với mục tiêu kép là “vừa phát triển Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có

năng lực đi ra toàn cầu”.

- Đồng thời Chương trình xác định: Chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số; coi chuyển đổi số là bắt buộc, mang tính mặc định; Cơ quan nhà nước sử dụng công nghệ số và dữ liệu số để ra quyết định, kiến tạo phát triển và quản lý kinh tế - xã hội hiệu quả hơn, dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số; Phát triển Chính phủ số gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ chủ quyền số quốc gia.

- Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tập trung triển khai chuyển đổi số trên 03 trụ cột Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số và 08 lĩnh vực ưu tiên gồm y tế; giáo dục; tài chính - ngân hàng; nông nghiệp; giao thông vận tải và logistics; năng lượng; tài nguyên và môi trường; và sản xuất công nghiệp; xác định 05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số (bao gồm: Chuyển đổi nhận thức; Kiến tạo thể chế, Phát triển hạ tầng số; Phát triển nền tảng số; An toàn, an ninh mạng; Hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo) và các nhiệm vụ giải pháp phát triển Chính phủ số, Kinh tế số, Xã hội số và 08 lĩnh vực ưu tiên; đồng thời đưa ra các mục tiêu lớn như sau:



Hình 1: 03 trụ cột và mục tiêu lớn trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Văn bản Trung ương

Luật Công nghệ thông tin, ngày 29/6/2006;

Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định

hướng đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án 06);

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Đề án “Xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương (DTI);

Công văn số 2390/BTTTT-THH ngày 29/6/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.

2. Văn bản của tỉnh

Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 26/5/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ về phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Tỉnh ủy Vĩnh Long về Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 26/5/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Công nghệ thông tin - Truyền thông tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 03/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục dữ liệu mở tỉnh Vĩnh Long;

Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

III. PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phạm vi thực hiện

Trên địa bàn toàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Thời gian thực hiện

Đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Phần II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH

I. THỰC TRẠNG

1. Về cơ chế, chính sách và tuyên truyền, nâng cao nhận thức liên quan đến chuyển đổi số

Thời gian qua trên cơ sở chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tiễn của địa phương, tỉnh Vĩnh Long đã cụ thể hoá thành những chương trình, kế hoạch và những văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động cơ quan nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, cụ thể: Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 26-Ctr/TU ngày 13/01/2015 của Tỉnh ủy Vĩnh Long thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị¹; Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Long, phiên bản 2.0²; Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển CQĐT/CQS và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025³; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long⁴; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030⁵; Kế hoạch chuyển đổi IPv6 trong hạ tầng mạng của cơ quan nhà nước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030⁶.

Tổ chức triển khai áp dụng và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn do các bộ, ngành Trung ương ban hành, đặc biệt là kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm việc triển khai các hệ thống thông tin tương thích, kế thừa, đồng bộ và hiệu quả. Ban hành các quy chế, quy định cho quản lý, khai thác, vận hành cho từng hệ thống thông tin, ứng dụng cụ thể để bảo đảm phối hợp khai thác, sử dụng hiệu quả, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Hàng năm, triển khai tuyên truyền, đăng tải nhiều tin, bài viết, phóng sự trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, các Trang thông tin điện tử chuyên ngành, các cơ quan thông tấn, báo chí và các phương tiện truyền thông khác; tập trung vào hướng dẫn các quy định, phổ biến hiệu quả, lợi ích, kết quả đạt được trong xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; các ứng dụng, tiện ích thông minh mang đến cho người dân...

¹ QĐ số 1246/QĐ-UBND ngày 03/6/2016.

² QĐ số 3612/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020.

³ QĐ số 394/QĐ-UBND ngày 18/02/2021; QĐ số 1126/QĐ-UBND ngày 17/5/2021; QĐ số 1617/QĐ-UBND ngày 23/6/2021.

⁴ QĐ số 223/QĐ-UBND, ngày 03/02/2022.

⁵ QĐ số 742/QĐ-UBND, ngày 06/4/2023.

⁶ QĐ số 2540/QĐ-UBND ngày 08/10/2020; QĐ số 2559/QĐ-UBND ngày 24/9/2021.

2. Về hạ tầng số

Tỉnh ban hành Đề án “Chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030”⁷. 100% (133/133) hệ thống công/trang thông tin điện tử được chuyển đổi từ IPv4 sang IPv6; hệ thống công/trang thông tin điện tử của 18 sở ngành, 107 UBND cấp xã đã khai báo và được chứng nhận tín nhiệm mạng do Cục An toàn thông tin cung cấp.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh kết nối 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện, xã hoạt động ổn định, thông suốt; 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có hệ thống mạng LAN phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; tỷ lệ máy tính kết nối Internet đạt 98% (trừ máy tính soạn thảo văn bản mật).

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai mạng TSLCD của tỉnh vẫn còn 01 số khó khăn hạn chế, cụ thể: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 19/7/2023 về đẩy mạnh đảm bảo an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh, trong đó có chỉ đạo cụ thể các cơ quan, đơn vị “*Chỉ kết nối đến các hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung của tỉnh tại các cơ quan, đơn vị thông qua mạng Truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh*”.

Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh được đầu tư, nâng cấp đảm bảo phục vụ vận hành hệ thống ứng dụng dùng chung của tỉnh, phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và các ứng dụng chuyên ngành. Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh có 34 máy chủ vật lý, được thiết kế theo mô hình có khu vực dùng chung (22 máy chủ) và khu vực dùng riêng để các máy chủ các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương (hiện có 12 máy chủ bao gồm Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh). Đang vận hành 195 hệ thống thông tin thành phần: Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); hệ thống thư điện tử tỉnh; CSDL chuyên ngành; hệ thống quản lý dữ liệu lưu trữ lịch sử; hệ thống quản lý đất đai; hệ thống quản lý người có công; hệ thống quản lý CBCCVC; hệ thống sàn giao dịch TMĐT; hệ thống quản lý giấy phép lái xe; hệ thống quản lý biên lai; hệ thống quản lý ngân sách đầu tư; hệ thống quản lý tiền lương; hệ thống xét duyệt và thẩm định quyết toán ngân sách;....

Hạ tầng viễn thông băng rộng cố định đáp ứng 100% nhu cầu cung cấp dịch vụ đến các xã, phường, thị trấn toàn tỉnh; Tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân: 24,40; Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động trên 100 dân: 87,2; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang: 74,1%⁸; toàn tỉnh có 1.309 vị trí cột ăng ten; có 3.068 trạm BTS; 1.781.536 thuê bao di động (703.872 thuê bao di động băng rộng); tỉ lệ thuê bao băng rộng di động bình quân 68,41 thuê bao/100 dân. Triển khai Kế hoạch thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2023, các đơn vị đã thực hiện hoàn thành 173 tuyến⁹.

⁷ Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 24/9/2021

⁸ Báo cáo 236/BC-STTTT ngày 14/8/2024

⁹ KH số 35/KH-STTTT, ngày 26/4/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông.

Hạ tầng bưu chính: Có 18 chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp bưu chính, 201 điểm phục vụ; 82/87 xã có điểm phục vụ bưu chính có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của người dân.

Tỉnh có 02 Hệ thống hội nghị truyền hình (01 hệ thống của Tỉnh ủy, 01 hệ thống của UBND tỉnh) phục vụ cho cơ quan Đảng, nhà nước họp trực tuyến trong tỉnh và họp trực tuyến với Chính phủ, bộ ngành Trung ương; Hệ thống họp không giấy của UBND tỉnh, Tỉnh ủy.

3. Về dữ liệu số

Vĩnh Long đã xây dựng và cập nhật các CSDL nền như CSDL nền doanh nghiệp, CSDL công chứng, CSDL an toàn vệ sinh thực phẩm, CSDL chuyên ngành trên nền tảng GIS (Ban Quản lý các khu công nghiệp, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ),... Tuy nhiên, hầu hết các CSDL này còn cát cứ, rời rạc, chưa được chia sẻ giữa các cơ quan do vướng các quy định chuyên ngành. Một số CSDL cập nhật chưa đầy đủ nên tính khả dụng của dữ liệu còn thấp. Năm 2024, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện thí điểm Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Tiếp tục triển khai danh mục 24 CSDL dùng chung¹⁰ và Danh mục dữ liệu mở tỉnh. Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) được triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng NDXP của quốc gia.

Cổng Dữ liệu mở của tỉnh (<https://opendata.vinhlong.gov.vn>) đã được đưa vào triển khai vận hành, cập nhật 56 cơ sở dữ liệu mở¹¹ của 14 lĩnh vực nhằm chia sẻ, công khai dữ liệu mở phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và đảm bảo công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền đối với người dân, doanh nghiệp.

Đề án 06 tiếp nhận làm CCCD cho 1.097.986 trường hợp công dân đủ điều kiện, giao trả 1.043.728/1.047.751 thẻ CCCD cho công dân, đạt 99,6%; thu nhận 582.950 hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử, đã kích hoạt 403.311 hồ sơ.

4. Về nền tảng số

UBND tỉnh đã phê duyệt kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Long (phiên bản 2.0)¹² làm nền tảng cho việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh quy định các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) được tích hợp, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với nhau. Để đảm bảo phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 3.0)¹³, Chủ tịch UBND tỉnh đã duyệt chủ trương cập nhật kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Long lên phiên bản 3.0¹⁴.

Đồng thời, UBND tỉnh đã phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Long (phiên bản 1.0)¹⁵ đảm bảo phù hợp với Khung tham chiếu ICT phát

¹⁰ QĐ số 4559/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021; QĐ số 1122/QĐ-UBND, ngày 09/6/2022

¹¹ Báo cáo số 91/BC-VPUBND ngày 16/10/2024 của Văn phòng UBND tỉnh

¹² Quyết định số 3612/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹³ Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT, ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

¹⁴ Quyết định số 206/QĐ-UBND, ngày 31/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁵ Quyết định số 3613/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0) do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành¹⁶.

Triển khai nền tảng, hệ thống:

- Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh (LGSP) Vĩnh Long¹⁷ đã được triển khai và hoàn thành kết nối với (NGSP) phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Bảo hiểm; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; Hệ thống Văn bản quy phạm pháp luật; Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an); Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ công chức, viên chức;....¹⁸.

- Hệ thống số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử đã triển khai cho Trung tâm lưu trữ lịch sử - Sở Nội vụ phục vụ công tác số hóa dữ liệu lưu trữ lịch sử.

- Nền tảng CSDL nông nghiệp, bưu chính viễn thông: triển khai dưới dạng nền tảng GIS, có thể mở rộng tích hợp các lĩnh vực liên quan đến ngành Công thương, Y tế, Giáo dục...

- Triển khai ứng dụng Nền tảng bản đồ số cung cấp dịch vụ để phát triển các ứng dụng, dịch vụ dựa trên nền tảng bản đồ, đặc biệt là đáp ứng yêu cầu quản lý về biến động đất đai trong dân cư.

Triển khai các nền tảng của quốc gia:

- Chính quyền số (7 nền tảng): Nền tảng điện toán đám mây, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP), Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu, Nền tảng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC), Nền tảng Trung tâm giám sát, điều hành ATTT mạng (SOC), Nền tảng trợ lý ảo, Nền tảng hợp trực tuyến thể hệ mới cho cơ quan nhà nước.

- Kinh tế số (3 nền tảng): Nền tảng sàn thương mại điện tử, Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, Nền tảng hóa đơn điện tử.

- Xã hội số (6 nền tảng): Nền tảng địa chỉ số, Nền tảng quản lý tiêm chủng, Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS), Nền tảng thiết bị IoT, Nền tảng hợp trực tuyến thể hệ mới.

5. Về ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử

Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh hoạt động ổn định, đã cung cấp trên 11.625 tài khoản, bảo đảm 100% cán bộ, công chức đều có hộp thư công vụ để trao đổi công việc. Đồng thời, dùng làm tài khoản đăng nhập để sử dụng các dịch vụ, phần mềm dùng chung của Tỉnh.

¹⁶ Quyết định số 829/QĐ-BTTTT, ngày 31/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

¹⁷ Quyết định 3111/QĐ-UBND, ngày 13/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁸ Công văn số 134/THH-THHT, ngày 24/01/2022; Công văn số 1832/CĐSQG-NT&DLS ngày 22/11/2023; Công văn số 1500/CĐSQG-NT&DLS ngày 15/8/2024 của Cục Chuyển đổi số quốc gia.

Triển khai chữ ký số: Tỉnh đã triển khai chữ ký số, đến nay cấp 3.958 chứng thư số chuyên dùng cho hơn 250 đơn vị (18 sở, ban, ngành tỉnh; 08 huyện, thị xã, thành phố; 107 Uxã, phường, thị trấn). Tỷ lệ sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã được cấp chữ ký số đạt 100%. Chữ ký số chuyên dùng phục vụ triển khai văn bản điện tử có ký số; chứng thư số chuyên dùng còn sử dụng khai báo thuế điện tử, bảo hiểm xã hội điện tử và giao dịch với Kho bạc Nhà nước; gửi nhận văn bản điện tử; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, DVCTT.

Hệ thống thông tin Quản lý văn bản và điều hành sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh, hiện có 1.112 đơn vị sử dụng là các sở, ban, ngành tỉnh, các huyện, thị xã và thành phố (bao gồm các đơn vị trực thuộc), 102 xã, phường, thị trấn và một số các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Công/trang thông tin điện tử của tỉnh: 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh, huyện, xã có Công/trang thông tin điện tử tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ và đã khai báo và được chứng nhận tín nhiệm mạng do Cục An toàn thông tin cung cấp.

Hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội, ngành: Xây dựng biểu mẫu báo cáo và tổng hợp số liệu các chỉ tiêu kinh tế, xã hội của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện gồm: Báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế, xã hội; Báo cáo theo lĩnh vực: Văn hóa xã hội; Kinh tế; Đầu tư xây dựng; Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính,...; Báo cáo theo từng đơn vị sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh: Kết nối thống suốt với hệ thống báo cáo Chính phủ, đảm bảo 100% các chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo về kinh tế - xã hội.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long đã triển khai đến 100% cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh, từ cấp tỉnh đến cấp xã; cung cấp 1.603 DVCTT toàn trình và một phần (1.053 DVCTT toàn trình, đạt tỷ lệ 62.31%, 550 DVCTT một phần, đạt tỷ lệ 32.54%)¹⁹. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long đã kết nối và đồng bộ trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) được triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng của quốc gia (NDXP); thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với 11 cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin của Bộ, Ngành Trung ương.

Hiện tại Phần mềm quản lý giấy phép lái xe đặt tại Trung tâm Tích hợp Dữ liệu tỉnh. Số hóa tài liệu chuyên ngành: dữ liệu GPLX sau khi in ra kết quả sẽ đồng bộ dữ liệu về Cục đường bộ quản lý, người dân có thể tra cứu thông tin GPLX trên Trang thông tin GPLX của Cục đường bộ²⁰.

Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng với 862 đơn vị; cấp 862 người dùng; Tổng số dữ liệu thi đua khen thưởng đã xử lý hoàn chỉnh trên phần mềm: 209.640 danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Công tác tuyên truyền về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số được các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thường xuyên qua Cổng thông tin điện

¹⁹ Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 19/6/2024

²⁰ Báo cáo số 327/BC-SGTVT, ngày 08/8/2023

tử, phương tiện thông tin đại chúng, pano, áp phích, các trang mạng xã hội Zalo, Facebook,... góp phần nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số với cuộc sống nói riêng và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung. Trang Zalo Official Chính quyền số Vĩnh Long đã đăng tải hơn 2.481 tin, bài, Trang Fanpage (Facebook) đã đăng tải hơn 500 tin, bài.

Tổ chức đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho tất cả các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, UBND cấp xã sử dụng các ứng dụng liên quan.

6. Về ứng dụng và dịch vụ số, dịch vụ đô thị thông minh

Triển khai hệ thống Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh bao gồm các hệ thống giám sát, hạ tầng kỹ thuật và các nền tảng phục vụ triển khai đô thị thông minh như: hệ thống giám sát camera, hệ thống họp thông minh, hệ thống chỉ tiêu kinh tế xã hội ngành, hệ thống kết nối các ứng dụng dùng chung, hệ thống giám sát an toàn an ninh mạng; dịch vụ phản ánh hiện trường,... Ngoài ra, triển khai và tích hợp một số dịch vụ như: hệ thống camera giám sát thực hiện kết nối 266 camera tại các chợ và hành chính một cửa tại các xã, phường. Hệ thống hỗ trợ gửi cảnh báo phát hiện xâm nhập hoặc đám đông khi có sự kiện xảy ra; Công du lịch thông minh hệ thống quản lý khách du lịch trên địa bàn tỉnh. Hệ thống tiếp nhận phản ánh - kiến nghị người dân (Smart Vĩnh Long).

Hệ thống giám sát camera triển khai kết nối 450 camera về Trung tâm IOC của tỉnh để giám sát, phát hiện và đưa ra các thông báo, cảnh báo, hỗ trợ người dùng trong công tác quản lý lưu trữ hình ảnh lưu trữ của các camera, truy xuất, phân tích hình ảnh.

Hệ thống họp thông minh/Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối 4 cấp. Có 02 hệ thống hội nghị truyền hình phục vụ cho cơ quan Đảng, nhà nước họp trực tuyến: hệ thống hội nghị truyền hình của Tỉnh ủy, hệ thống hội nghị truyền hình của UBND tỉnh.

Nền tảng tổng hợp phân tích dữ liệu: Triển khai các thành phần lõi của IOC tỉnh bao gồm các hệ thống sau: Hệ thống tích hợp dữ liệu phục vụ tích hợp dữ liệu từ các hệ thống dùng chung, chuyên ngành về kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; Hệ thống phục vụ giám sát điều hành (Dashboard); Tích hợp hệ thống cảnh báo; Hệ thống cho phép xây dựng các kịch bản giám sát, điều hành.

Nền tảng giao tiếp phục vụ người dân, doanh nghiệp: ứng dụng Smart Vĩnh Long và Cổng thông tin điện tử dành cho người dân (congdan.vinhlong.gov.vn) Hệ thống và ứng dụng triển khai theo hình thức nền tảng, cài đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh; được thiết kế là kênh của chính quyền tỉnh nhằm cung cấp thông tin của chính quyền đến người dân; đồng thời là kênh để người dân gửi phản ánh, kiến nghị tới chính quyền trên 20 lĩnh vực.

7. Về ứng dụng CNTT phát triển kinh tế

a) Về ứng dụng CNTT trong công nghiệp

Tỉnh đã hỗ trợ phát triển 35 website thương mại điện tử cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng trang Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành Công Thương hỗ trợ cung cấp thông tin doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm, tạo cơ hội giao thương, thực hiện các giao dịch qua mạng Internet thông qua Sàn giao dịch

thương mại điện tử của tỉnh, thực hiện giới thiệu lên Sàn thông tin của doanh nghiệp, sản phẩm của tỉnh, hỗ trợ cung cấp thông tin, các chương trình xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp, cập nhật dữ liệu,... Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành Công Thương Vĩnh Long đã đi vào hoạt động đến nay đã có hơn 346 doanh nghiệp tham gia, giới thiệu hơn 1.647 sản phẩm, giúp cho các đối tác trong và ngoài nước tìm kiếm thông tin về doanh nghiệp và sản phẩm được dễ dàng. Tạo một môi trường kinh doanh trực tuyến lành mạnh, giúp doanh nghiệp phát huy tối đa năng lực sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung cấp các thông tin thương mại, bản tin xuất nhập khẩu,...

Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã sử dụng thư điện tử trong hoạt động giao dịch và trao đổi thông tin; đa số doanh nghiệp có trang thông tin điện tử riêng, cập nhật định kỳ thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm, mua bán và trao đổi các dịch vụ liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hiện có 70 website thương mại điện tử có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến; ứng dụng các phần mềm chuyên dụng trong hoạt động quản lý sản xuất và kinh doanh.

Bước đầu hình thành các tiện ích hỗ trợ người tiêu dùng tham gia thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp với người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh, trong đó, các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại cho phép người tiêu dùng thanh toán bằng thẻ thanh toán và thanh toán qua phương tiện điện tử; các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền thông trên địa bàn tỉnh chấp nhận thanh toán phí dịch vụ của các hộ gia đình qua phương tiện điện tử; cơ sở kinh doanh trong các lĩnh vực thương mại dịch vụ như vận tải, văn hoá, thể thao và du lịch phát triển các kênh giao dịch điện tử phục vụ người tiêu dùng.

Trong lĩnh vực đấu thầu qua mạng: đến nay, việc đăng tải thông tin trong đấu thầu, thông tin nhà thầu, nhà đầu tư đã được các chủ đầu tư của tỉnh, các bên mời thầu thực hiện đúng theo các quy định hiện hành về đấu thầu; 100% các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trên địa bàn tỉnh đã được đăng tải thông tin mời thầu trên Báo Đấu thầu theo quy định; tỷ lệ hồ sơ thực hiện đấu thầu qua mạng tăng lên đáng kể.

b) Thanh toán điện tử trong các dịch vụ thiết yếu

Với sự ra đời nhanh chóng của hàng loạt ngân hàng trực tuyến, ví điện tử kèm theo những chính sách khuyến mãi khi thanh toán điện tử, rất nhiều tổ chức cá nhân đã chuyển sang sử dụng hình thức thanh toán điện tử khi mua sắm, thanh toán các dịch vụ thiết yếu như: điện, nước, cước viễn thông, truyền hình trả tiền,...khách hàng sử dụng dịch vụ cấp thoát nước, thu gom rác thanh toán qua ngân hàng, thanh toán qua ví điện tử,... Thanh toán dịch vụ viễn thông không dùng tiền mặt VNPT, Viettel,...

c) Ứng dụng CNTT trong phát triển thương mại điện tử

Xác định xu hướng phát triển thương mại điện tử là tất yếu. Ngày 30/9/2020, UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 2620/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Vĩnh Long. Trong đó, Sở Công Thương phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ

năng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, quảng bá thương hiệu, sản phẩm trên mạng internet, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành Công Thương tỉnh Vĩnh Long, Buudien.vn, Voso,...

Tỉnh có 2 sàn thương mại điện tử do Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì nhằm quảng bá các loại nông sản, sản phẩm OCOP và các sản phẩm khác là www.trade.vinhlong.gov.vn (có khoảng 370 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở trong tỉnh với 1.700 sản phẩm tham gia giới thiệu trên Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành Công Thương Vĩnh Long). Viettel Post Vĩnh Long và Bưu điện Vĩnh Long đã hỗ trợ kết nối, tiêu thụ nông sản của tỉnh trên sàn thương mại điện tử Buudien.vn²¹.

Chỉ số thương mại điện tử Việt Nam được tổng hợp từ ba chỉ số thành phần, bao gồm: nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin, giao dịch thương mại điện tử giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng và giao dịch thương mại điện tử giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp. Điểm trung bình của Chỉ số năm nay là 19,24 điểm (không thay đổi nhiều so với 20,37 điểm của năm 2022). Năm 2023, tỉnh Vĩnh Long chỉ đạt hạng 56 cả nước (10,7 điểm), giảm 7 hạng so với năm 2022 (hạng 49, đạt 11,8 điểm).

8. Về ứng dụng CNTT trong xã hội

Với hạ tầng viễn thông rộng khắp, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng CNTT của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đã góp phần giảm khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và y tế.

Hạ tầng viễn thông băng rộng cố định đáp ứng 100% nhu cầu cung cấp dịch vụ đến các xã, phường, thị trấn toàn tỉnh; thuê bao cáp quang hộ gia đình là 214.596 thuê bao, đạt tỷ lệ 71,43%; toàn tỉnh có 1.309 vị trí cột ăng ten; có 3.068 trạm BTS; 1.781.536 thuê bao di động (703.872 thuê bao di động băng rộng); tỉ lệ thuê bao băng rộng di động bình quân 68,41 thuê bao/100 dân.

100% trường học các cấp đã kết nối Internet băng rộng và sử dụng phần mềm quản lý trường học (quản lý thông tin học sinh, giáo viên, quản lý kết quả học tập,...). Trong thời điểm dịch bệnh Covid-19, ứng dụng CNTT được triển khai hiệu quả trong các trường học, đặc biệt trong công tác dạy, học trực tuyến. Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn còn cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán tiện ích nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng trên các nền tảng số như thanh toán, mở tài khoản thanh toán, gửi tiết kiệm, cho vay tiêu dùng, một số ngân hàng cho vay sản xuất kinh doanh áp dụng cho cá nhân và doanh nghiệp; chủ động phối hợp với

²¹ Hỗ trợ xây dựng 35 website cho doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh. Tổ chức 10 cuộc tuyên truyền, 04 lớp đào tạo kỹ năng cho các cơ sở, doanh nghiệp; cuộc thi tìm hiểu thương mại điện tử với 887 lượt tham dự; xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số của tỉnh” trên Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long và Báo Vĩnh Long, trong đó tập trung các tin bài liên quan đến thương mại điện tử”.

các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn thực hiện các giải pháp giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt an toàn, tiện ích trong thực hiện thanh toán học phí, viện phí và các chi phí liên quan: thanh toán qua tài khoản thu liên kết với ngân hàng thông qua mã QR code, Mobile banking, App thanh toán điện tử, Ví điện tử,... Qua đó, dần thay đổi thói quen cũng như hình thành xu hướng thanh toán không dùng tiền mặt góp phần mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội cũng như sự phát triển của nền kinh tế số.

Ngành Thuế đã triển khai ứng dụng Thuế điện tử cho thiết bị di động (eTax Mobile) với hệ thống các chức năng, dịch vụ, hỗ trợ dành cho người nộp thuế là cá nhân trên phạm vi toàn quốc²²; Hóa đơn điện tử; Văn bản điện tử (TaxOffice) cho công chức, người nộp thuế trên địa bàn tỉnh. Đến nay, tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nộp thuế điện tử đạt 100%²³.

Trong lĩnh vực y tế, triển khai nền tảng hệ thống HIS tại 17/17 cơ sở khám, chữa bệnh, nền tảng hệ thống quản lý thông tin xét nghiệm (LIS) tại 15/15 đơn vị; nền tảng hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (RIC-PACS) tại 09/15 đơn vị, có 02/15 đơn vị đang triển khai chạy thử hệ thống; có 04/15 đơn vị chưa triển khai. nền tảng quản lý trạm y tế xã (V20) tại 02/08 đơn vị; nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử tại 107/107 đơn vị trạm y tế xã, phường, thị trấn; nền tảng Quản lý đơn thuốc tại 254 cơ sở đã đăng ký xin cấp mã liên thông; 253 cơ sở đã được cấp mã liên thông; 139 cơ sở đã liên thông đơn thuốc; 890 bác sĩ đã đăng ký xin cấp mã liên thông; 888 bác sĩ đã được cấp mã liên thông; 5 cơ sở đã triển khai giải pháp gửi đơn thuốc điện tử tới người bệnh qua App Ytebox của Medcomm; nền tảng Hồ sơ bệnh án điện tử tại 01 đơn vị (BVĐK Xuyên Á - Vĩnh Long)²⁴.

9. Về đảm bảo an toàn thông tin

Triển khai, vận hành ổn định hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh phục vụ hoạt động hỗ trợ giám sát, phòng chống tấn công mạng và điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin, kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia. Vận hành ổn định hệ thống quản lý phòng chống mã độc tập trung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh làm đầu mối của tỉnh kết nối, chia sẻ thông tin mã độc từ cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã về Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Về nhân lực CNTT

Tỷ lệ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước: 100% các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin (01 người/đơn vị). Riêng UBND cấp xã chưa được bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin.

Tỷ lệ CBCC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc: 100%.

²² Chỉ thị số 17/CT-UBND, ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai ứng dụng Thuế điện tử (eTax Mobile) hỗ trợ cho Người nộp thuế là cá nhân trên thiết bị di động tại tỉnh Vĩnh Long.

²³ Công văn số 127/BC-CTVLO, ngày 08/9/2022 của Cục Thuế tỉnh về kết quả công tác triển khai hóa đơn điện tử và kế hoạch giải pháp triển khai trong thời gian tới.

²⁴ Báo cáo số 1245/BC-SYT ngày 29/3/2024 của Sở Y tế

Hàng năm có bố trí kinh phí để đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh trong lãnh, chỉ đạo việc thực hiện đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo và điều hành; sự quan tâm, định hướng, hỗ trợ tích cực của Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành Trung ương; sự hỗ trợ, hướng dẫn tích cực của các cơ quan chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông về chuyên môn trong triển khai chuyển đổi số và an toàn thông tin.

Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhiều đổi mới trong chỉ đạo, điều hành, tăng cường ứng dụng CNTT, quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chính quyền điện tử, an toàn thông tin, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn.

Việc ứng dụng CNTT trong điều hành, xử lý công việc đã tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh Vĩnh Long nâng cao hiệu quả quản lý hành chính, tiết kiệm chi phí và thời gian. Theo đó, Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành được triển khai đến 100% các sở, ban, ngành tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Hệ thống này đã giúp tiết giảm hơn 30 tỷ đồng mỗi năm cho chi phí phát hành văn bản giấy; đồng thời, thời gian gửi và nhận văn bản từ tỉnh xuống cấp xã chỉ còn tính bằng giây. Việc chuyển đổi số đã hỗ trợ các cơ quan, tổ chức chuyển từ phương thức quản lý truyền thống sang môi trường số, thúc đẩy quá trình cải cách hành chính và giảm tải khối lượng công việc cho đội ngũ cán bộ công chức.

Tỉnh Vĩnh Long đã có những bước đi vững chắc trong việc đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin và mạng truyền dẫn để phục vụ CQĐT và hướng tới chuyển đổi số toàn diện. Hạ tầng CNTT của tỉnh không chỉ phục vụ hệ thống hành chính công mà còn làm nền tảng cho triển khai các dịch vụ đô thị thông minh, như giám sát giao thông và điều hành các dịch vụ công cộng. Các hạng mục đầu tư này giúp tỉnh đạt được sự đồng bộ trong quản lý và khai thác thông tin, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Khó khăn, hạn chế

Một số dữ liệu dùng chung chưa được quản lý và triển khai tập trung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, khó khăn trong giám sát, điều phối kết nối chia sẻ dữ liệu trong và ngoài tỉnh.

Dữ liệu chuyên ngành chưa được quan tâm triển khai phục vụ tạo lập dữ liệu dùng chung và hình thành kho dữ liệu dùng chung, chuyên ngành; đồng thời tránh triển khai dàn trải, nhỏ lẻ riêng từng hệ thống.

Một số đơn vị cấp xã còn sử dụng máy tính có cấu hình thấp, không thể cài đặt phần mềm phòng chống mã độc, cần hỗ trợ từ UBND cấp huyện, cấp tỉnh từ đó ảnh hưởng đến công tác đảm bảo an toàn thông tin chung của tỉnh.

Nhận thức của một số người dân còn hạn chế về bảo mật thông tin và quyền riêng tư; chưa cảnh giác với nhiều mối nguy hại trong môi trường số.

Nhận thức về lợi ích và cách áp dụng chuyển đổi số trong công việc và đời sống còn thấp, đặc biệt ở một số nhóm doanh nghiệp nhỏ và người dân nông thôn. Điều này dẫn đến sự chậm trễ trong việc áp dụng các ứng dụng số vào các hoạt động kinh tế - xã hội.

3. Nguyên nhân

Một số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tuy có nhận thức về vai trò quan trọng của chuyển đổi số, tuy nhiên chưa mạnh dạn triển khai áp dụng, đầu tư cho chuyển đổi số tại đơn vị do còn lo ngại vấn đề an toàn, bảo mật thông tin.

Một số người dân chưa có kiến thức đầy đủ về các rủi ro an ninh mạng, như nguy cơ bị đánh cắp dữ liệu cá nhân hoặc lừa đảo trực tuyến; một số thông tin chia sẻ trên mạng xã hội chưa đảm bảo theo quy định; còn tình trạng sử dụng các ứng dụng miễn phí nhưng chưa quan tâm đến giải pháp đảm bảo an toàn thông tin.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC TIỄN ĐỀ ÁN 06

Qua 3 năm triển khai thực hiện Đề án 06 về "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030", Chính phủ và các cơ quan ban ngành từ Trung ương đến địa phương trong cả nước đã đạt được các kết quả tích cực, đồng thời vướng không ít khó khăn, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm sâu sắc:

(1) Quyết tâm chính trị cao: nỗ lực lớn, hành động quyết liệt với tầm nhìn chiến lược và lộ trình cụ thể; phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu;

(2) Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ: xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, nhất là đối với các đề án quy mô lớn, liên ngành. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, gỡ vướng mắc cho địa phương, cơ sở;

(3) Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm: Phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích; minh bạch hóa và tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia, nhất là các DVCTT, xây dựng niềm tin của người dân về cải cách của Nhà nước;

(4) Xác định và tháo gỡ "điểm nghẽn": Tập trung giải quyết các vướng mắc về hạ tầng công nghệ, nhân lực, dữ liệu, bảo mật an toàn. Pháp luật cần đi trước một bước; dữ liệu gốc cần được chia sẻ, kết nối để tạo giá trị, tiết kiệm, tránh lãng phí;

(5) Bảo đảm nguồn lực: Bố trí kinh phí, tháo gỡ khó khăn, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

Phần III

CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH VĨNH LONG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU CHUNG

- Xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số, hình thành và thúc đẩy sự phát triển các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành triển khai vận hành chính thức Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh và phòng điều hành Sở, ngành, cấp huyện.

- Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành các mục tiêu xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, đô thị thông minh; từng bước hoàn thành chuyển đổi số đối với những chỉ tiêu cơ bản ở một số lĩnh vực.

- Đến năm 2030, thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trên ở các lĩnh vực ưu tiên, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững; sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan trên toàn tỉnh; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu đời sống người dân trên địa bàn tỉnh, với mục đích đi trước đón đầu, tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để thu hẹp khoảng cách phát triển, giảm nghèo nhanh. Tiếp tục nâng thứ hạng của Vĩnh Long trên Bảng xếp hạng đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số hàng năm.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức DVCTT toàn trình. Có 80% DVCTT toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% DVCTT được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền.

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 90% tài liệu, văn bản và 70% tài liệu các cuộc họp của các cơ quan nhà nước không dùng tài liệu giấy đồng thời được số hóa, đưa vào kho lưu trữ dùng chung của tỉnh (ngoại trừ các tài liệu mật).

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

- 100% cơ quan, đơn vị sử dụng chữ ký số theo quy định.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ đồng thời đảm bảo thực hiện kết nối đồng bộ và liên tục phục vụ chia sẻ dữ liệu với kho dữ liệu của tỉnh.

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp DVCTT 24/7.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- 100% các cơ quan khối chính quyền trên địa bàn đảm bảo tập trung kết nối hệ thống mạng trực tiếp về Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- 100% mạng lưới, HTTT ứng dụng trong cơ quan nhà nước sang được chuyển đổi địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- 100% HTTT các cơ quan nhà nước và các đơn vị tham gia mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối, giám sát từ hệ thống điều hành, an toàn, an ninh mạng của tỉnh (SOC).

- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Triển khai thí điểm, thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, DVCTT và đảm bảo an toàn thông tin cá nhân.

b) Phát triển kinh tế số

- Phân đầu kinh tế số chiếm 10% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn);

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10% (những lĩnh vực ưu tiên như Nông nghiệp, Du lịch, Công nghiệp chế biến...);

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng;

- Phân đầu 20% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh;

- 100% sản phẩm OCOP được đưa trên các sàn thương mại điện tử nội địa.

- Có ít nhất 10 sản phẩm, hàng hóa ứng dụng các công nghệ số truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng chủ lực của tỉnh.

c) Phát triển xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang trên 80% hộ gia đình, đến 100% xã; phần đầu cơ bản mỗi hộ dân có ít nhất 01 điện thoại hoặc thiết bị thông minh;

- Ít nhất 50% người dân có tài khoản thanh toán điện tử;

- 80% dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử; 100% Trạm y tế xã, phường, thị trấn được triển khai ứng dụng hệ thống thông tin trạm y tế;

- 70% cơ sở giáo dục đến phổ thông thường xuyên triển khai dạy học trực tuyến;

- 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;

- Trên 80% người dân được tiếp cận với dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thông qua Cổng dữ liệu của tỉnh (data.vinhlong.gov.vn).

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

- 100% DVCTT toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh, từng bước mở dữ liệu của các cơ quan Nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, người dân khai báo một lần sử dụng trọn đời.

- 100% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện chuyển đổi số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số bằng nhiều hình thức trực tuyến, trực tiếp.

- Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 15% GRDP.

- Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số.

- Có ít nhất 40 sản phẩm, hàng hóa ứng dụng các công nghệ số truy xuất

nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng chủ lực của tỉnh.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- 90% dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang được phủ trên toàn tỉnh.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.
- Trên 80% người dân có tài khoản thanh toán điện tử.
- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số tập trung thông qua Cổng dữ liệu của tỉnh.
- Trên 90% các cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn có triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.
- Trên 90% người dân các xã, phường, thị trấn thể truy cập hồ sơ bệnh án điện tử và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.
- Trên 90% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.
- 100% người dân được tiếp cận với dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước thông qua Cổng dữ liệu của tỉnh (data.vinhlong.gov.vn).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

a) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao nhận thức và huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị, sự tham gia của toàn xã hội trong chuyển đổi số

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, trọng tâm là Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chủ trì, lãnh đạo thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn, lĩnh vực quản lý; ban hành và triển khai kế hoạch chi tiết chuyển đổi số, gắn chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong ngành, lĩnh vực, địa phương; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về các chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số

và thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo phương châm: “Nhận thức” là quyết định, “người dân, doanh nghiệp” là trung tâm”, “thể chế và công nghệ số” là động lực, “nền tảng số” là đột phá, “an toàn, an ninh thông tin” là then chốt, “chính quyền” là tiên phong, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố đảm bảo sự thành công trong chuyển đổi số. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; lấy việc triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các hiệp hội ngành nghề tỉnh trong công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia công cuộc chuyển đổi số tại tỉnh.

- Tăng cường liên kết giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa các hội, hiệp hội ngành nghề CNTT với các hội, hiệp hội các lĩnh vực chuyên ngành khác để tạo hiệu ứng lan tỏa chuyển đổi số trong xã hội.

- Triển khai sáng kiến mỗi đoàn viên thanh niên, cán bộ, công chức, viên chức là một công dân số xung kích, gương mẫu trong thực hiện chuyển đổi số để hướng dẫn và lan tỏa; mỗi tổ dân phố/thôn là một hạt nhân trong triển khai truyền thông, hướng dẫn chuyển đổi số.

- Phát triển, hoàn thiện Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Long và các phương tiện thông tin đại chúng; định kỳ hàng tuần đăng tải tin, bài, phóng sự về chuyển đổi số, chia sẻ, lan tỏa, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

- Thiết lập Tổng đài và các kênh để truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ về chuyển đổi số; đồng thời để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

b) Xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

- Các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tiên phong đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý nhà nước, vận động quần chúng ứng dụng công nghệ số tương tác với chính quyền trên môi trường số thông suốt, hiệu quả, khuyến khích người dân tham gia sử dụng sản phẩm, góp ý, hiến kế, phản biện về chuyển đổi số; triển khai tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và mô hình nghiệp vụ từ “truyền thống” sang không gian số dựa trên dữ liệu số; quyết tâm Chuyển đổi số thành công.

- Triển khai rà soát, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, đặc biệt là tái cấu trúc hoặc đổi mới mô hình, quy trình hoạt động kết hợp với áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các ứng dụng, tiện ích thiết thực phục vụ mọi hoạt động của người dân để phổ cập rộng rãi trong xã hội.

- Rà soát, xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, chia sẻ dữ liệu phục vụ Chính quyền số, thành phố thông minh phù hợp với định hướng, chiến lược quốc gia.

- Rà soát, tái cấu trúc quy trình hoạt động và cung cấp dịch vụ công; trong đó cung cấp DVCTT, thủ tục hành chính, dịch vụ sự nghiệp công (do doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh cung cấp) theo hướng liên thông, đơn giản hóa qua ứng dụng công nghệ số, sử dụng dữ liệu số thay thế một số thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải nộp bản giấy. Từng ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, lộ trình cắt giảm thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý thông qua kế thừa dữ liệu số; hướng đến hình thành mô hình “một cửa bất kỳ”.

- Rà soát ban hành quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về tiếp nhận, xử lý ban hành văn bản trong toàn hệ thống trong cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể đảm bảo xử lý hoàn toàn trên mạng, tiến tới mô hình văn phòng không giấy.

- Nghiên cứu, xây dựng các chính sách tài chính (như phí sử dụng dịch vụ khi thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thủ tục hành chính...) để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách ưu tiên phát triển doanh nghiệp công nghệ số địa phương, như: Đặt hàng sản phẩm hoặc đề tài khoa học cho doanh nghiệp, hỗ trợ về thuế, phí; hỗ trợ, khuyến khích phát triển nội dung số, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh; hỗ trợ doanh nghiệp ngành nghề khác ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số trong sản xuất, kinh doanh.

- Chủ động dự báo, có biện pháp giải quyết, giảm thiểu các tác động tiêu cực của chuyển đổi số đến xã hội, nhất là việc tái cấu trúc thị trường lao động; xây dựng chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, bị ảnh hưởng tiêu cực bởi chuyển đổi số, hỗ trợ, tổ chức đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số, ứng dụng công nghệ số cho người lao động.

c) Phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số

- Triển khai cho 100% cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng. Kết nối hệ thống mạng giữa khối Đảng với khối Chính quyền và đưa vào sử dụng để trao đổi một số nội dung cần thiết nhằm phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

- Mở rộng hệ thống hợp trực tuyến cho 100% cơ quan Đảng, chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Triển khai vận hành chính thức Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh (IOC) và các phòng điều hành Sở, ngành, cấp huyện (OC).

- Xây dựng, phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn băng thông rộng chất lượng cao; phối hợp với các doanh nghiệp nâng cấp mạng di động 4G, 5G. Xây dựng kho lưu trữ số tập trung của tỉnh để quản lý thống nhất việc lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như

giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

d) Phát triển dữ liệu số

- Tập trung hoàn thiện và đưa vào sử dụng CSDL đất đai, cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường.

- Đồng bộ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, CSDL Bộ, ngành thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

- Phát triển, làm sạch, hoàn thiện và đưa vào sử dụng hiệu quả các CSDL chuyên ngành và quản lý nhà nước, kết nối, tích hợp với các CSDL quốc gia, Hệ thống thông tin của Bộ ngành Trung ương, và chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị dùng chung để phân tích, dự báo, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công của tỉnh. Số hóa và đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý.

- Xây dựng và phát triển Kho dữ liệu dùng chung toàn tỉnh cho phép thu thập, lưu trữ, tổng hợp từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau (có cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc), phân tích, xử lý, khai phá, hỗ trợ ra quyết định; đồng thời chia sẻ cho các cơ quan sử dụng.

đ) Phát triển nền tảng số phục vụ chuyển đổi số

- Nâng cấp, hoàn thiện nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành, địa phương; tiếp tục rà soát, nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng hiện có như nền tảng Công Dịch vụ công, nền tảng Hệ thống báo cáo điện tử...

- Triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử bảo đảm thiết thực, hiệu quả để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

- Phối hợp triển khai hệ thống thanh toán điện tử cho phép doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xây dựng danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, thông tin và truyền thông, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số như:

- + Các nền tảng số trong lĩnh vực giáo dục như: nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở, nền tảng thi đối kháng trực tuyến,.

- + Các nền tảng số trong lĩnh vực y tế như nền tảng tư vấn, khám chữa bệnh và hội chẩn từ xa Telehealth/Telecare, hệ thống sức khỏe công dân, hồ sơ bệnh án điện tử,...

+ Các nền tảng số trong lĩnh vực giao thông như nền tảng quản lý thu phí, thanh toán điện tử trong giao thông (hệ thống kiểm soát thẻ vé, thu phí liên thông trong mạng lưới giao thông công cộng, hệ thống quản lý thu phí tại các khu vực đỗ xe trên đường, bãi đỗ xe công cộng,...); nền tảng giám sát hành trình, quản lý điều hành phương tiện; nền tảng giám sát, điều hành giao thông...

+ Các nền tảng số trong lĩnh vực thương mại, du lịch như nền tảng triển lãm, xúc tiến thương mại trực tuyến, kinh doanh/mua sắm trực tuyến, nền tảng giới thiệu, quảng bá ẩm thực, các nhà hàng, quán ăn, khu vui chơi giải trí, các dịch vụ du lịch...

+ Các nền tảng số trong thông tin và truyền thông như: nền tảng phát thanh số, nền tảng truyền hình số, hệ thống thông tin nguồn,...

e) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi thành phần của chuyển đổi số

- Thường xuyên tổ chức các cuộc rà quét, xử lý bóc gỡ mã độc trên các máy tính trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Hàng năm, tổ chức diễn tập, hội thảo, tập huấn, đào tạo về an toàn thông tin.

- Giám sát tập trung và cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, ngăn chặn kịp thời các sự cố tấn công an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai xác định và xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh. Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên. Thường xuyên tổ chức tập huấn, diễn tập an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý.

- Thiết lập mạng lưới kết nối các chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh và quốc gia nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin; tích cực tham gia các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin; tham gia vào Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia.

- Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số trong công tác bảo đảm an toàn thông tin; phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

g) Phát triển nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- Hàng năm triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, lãnh đạo các hiệp hội, doanh nghiệp; tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, áp dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sử dụng các hình thức thanh toán trực tuyến, không dùng tiền mặt trong phục vụ đời sống, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và xây dựng nền tảng cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân để hình thành công dân số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

- Thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao vào hoạt động quản lý nhà nước, quản lý vận hành các hệ thống thông tin trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội các cấp của tỉnh.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển chính quyền số

- Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ hoạt động của các cơ quan trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm điều hành đô thị thông minh và giám sát an toàn, an ninh mạng để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,... phục vụ kết nối, phân tích, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động nội bộ của cơ quan như: Tăng cường triển khai sử dụng Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống hợp không giấy, tăng cường ứng dụng chữ ký số trong phát hành văn bản điện tử, hệ thống thư điện tử công vụ; các ứng dụng nghiệp vụ quản lý như tài chính, kế toán, quản lý nhân sự,...các ứng dụng chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương; họp trực tuyến, làm việc từ xa,...

- Phát triển Cổng Dịch vụ công tỉnh theo hướng cung cấp dịch vụ số, kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, tối ưu hoá trải nghiệm, mang lại sự thuận tiện cho người dùng.

- Tích hợp các dịch vụ theo hướng tập trung phục vụ người dân và doanh nghiệp; cung cấp DVCTT toàn trình trên tất cả các lĩnh vực và trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau. Người dân và doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần để giải quyết thủ tục hành chính. Khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT, xem xét giảm chi phí và thời gian cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp. Số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự cơ quan chuyên trách, đầu mối về chuyển đổi số của tỉnh bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao; phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin bảo đảm công tác triển khai chuyển đổi số ở các

ngành, các cấp.

- Triển khai hiệu quả hệ thống CSDL và hệ thống thông tin chuyên ngành của các sở, ban, ngành và các hệ thống ứng dụng của các cơ quan Trung ương trên địa bàn, đảm bảo liên thông trong kết nối giữa cơ quan Đảng và chính quyền.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh về thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại điện tử, nông nghiệp, văn hóa, du lịch,...trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các trên các phương tiện truyền thông khác.

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số tại các doanh nghiệp của tỉnh để nâng cao năng lực cạnh tranh; tạo thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh phát triển các nền tảng phục vụ chuyển đổi số.

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động, tích cực hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ số để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và triển khai công nghệ mới, tiên tiến theo quy định; ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh để chuyển đổi cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh.

- Phát triển sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh, tăng cường hoạt động kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp công nghệ số, cung cấp giải pháp chuyển đổi số với các doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, đảm bảo phù hợp với đặc thù, yêu cầu của từng ngành, lĩnh vực.

- Ưu tiên sử dụng nguồn quỹ phát triển khoa học công nghệ, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp ngành nghề truyền thống ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; ưu tiên sử dụng nguồn lực theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Khuyến khích các hội, hiệp hội doanh nghiệp thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, phổ biến, cập nhật các xu hướng chuyển đổi số, mô hình, giải pháp công nghệ số trong lĩnh vực chuyên ngành, tư vấn, hướng dẫn chuyển đổi số trong doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp thường xuyên tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, đặc biệt là kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu cho người lao động.

4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số; đào tạo, hướng dẫn, phổ cập thông tin, kỹ năng số, bao gồm kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng, kỹ năng ứng xử trên môi trường mạng, sử dụng các dịch vụ số của tỉnh.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai áp dụng Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, tạo lập niềm tin, hình thành văn hóa số trong cộng đồng.

- Phát triển và khai thác sử dụng hiệu quả nền tảng số trong công tác quản lý xã hội tại địa phương; tăng cường quảng bá bản sắc văn hóa, truyền thống lịch sử, các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia sàn thương mại điện tử nhằm thúc đẩy, tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể mua bán sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng. Ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP, các sản phẩm nông nghiệp nông thôn và các sản phẩm du lịch tiêu biểu của tỉnh.

- Hình thành hệ thống thư viện số tỉnh, xây dựng ứng dụng trên thiết bị di động thông minh cung cấp các dịch vụ và khả năng truy cập vào các nguồn tài nguyên, thông tin của thư viện tỉnh mọi lúc, mọi nơi nhằm phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.

- Phát triển Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để quản lý tập trung các đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, bảng tin điện tử công cộng và các phương tiện thông tin cơ sở khác trên địa bàn tỉnh.

5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

Ưu tiên chuyển đổi số trên 8 lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh tại tỉnh, trong các ngành mang lại giá trị lớn, có hiệu quả ngay cho xã hội như:

a) Lĩnh vực y tế

- Căn cứ nhiệm vụ của Sở Y tế, hằng năm xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi số y tế, xây dựng hệ thống Y tế thông minh, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện đảm bảo mục tiêu đề án đề ra.

- Chuẩn hóa, hoàn thiện hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân và mã định danh y tế theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Y tế; công khai cho người dân tra cứu, theo dõi.

- Nghiên cứu triển khai các nền tảng hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa, cho phép theo dõi, trợ giúp, chăm sóc sức khỏe người dân từ xa, kết nối trực tuyến giữa người bệnh, các thiết bị theo dõi sức khỏe và cán bộ y tế, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo.

- Xây dựng Kho dữ liệu y tế tỉnh Vĩnh Long có khả năng tích hợp, chia sẻ, kết nối dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

b) Lĩnh vực giáo dục

- Cập nhật, hoàn thiện CSDL ngành Giáo dục, phần mềm quản lý văn bằng chứng chỉ; sử dụng phần mềm tuyển sinh đầu cấp thực hiện tuyển sinh lớp 10; triển khai thực hiện chính thức sổ điểm điện tử bậc tiểu học, khuyến khích sử dụng bậc

THCS, THPT.

- Phát triển thanh toán học phí, lệ phí điện tử không dùng tiền mặt. Thực hiện thu học phí điện tử và giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục triển khai nền tảng phục vụ hội nghị, đào tạo, tập huấn, giảng dạy trực tuyến.

c) Lĩnh vực nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát nguồn gốc, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản từ địa phương khác nhập vào tỉnh, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác.

d) Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn (cơ sở dữ liệu về: Đất đai; quan trắc tài nguyên và môi trường,...) nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

đ) Lĩnh vực năng lượng và sản xuất công nghiệp

- Số hóa, xây dựng hạ tầng điện chiếu sáng công cộng trên nền GIS; triển khai lắp đặt hệ thống cảm biến, thiết bị IoT hạ tầng điện chiếu sáng công cộng, quản lý và giám sát tập trung, điều khiển tự động.

- Triển khai các kế hoạch/đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất cá thể trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

e) Lĩnh vực tài chính - ngân hàng

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh, bảo đảm các mục tiêu về thương mại điện tử trong Đề án Chuyển đổi số; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, từng bước hình thành hệ sinh thái gắn kết doanh nghiệp thương mại điện tử với các nhà sản xuất, nhà phân phối để quản lý chuỗi cung ứng.

- Triển khai các kế hoạch phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu quy định cụ thể về phí để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

g) Lĩnh vực văn hóa, du lịch

- Tăng cường quảng bá các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng của tỉnh; xây dựng hình ảnh văn hóa con người Vĩnh Long thân thiện, văn minh trên không gian mạng; tăng cường hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch thông qua các ứng dụng số.

- Số hóa địa điểm, sản phẩm du lịch, văn hóa của tỉnh, xây dựng bản đồ số với các thông tin được chuẩn hóa.

- Khuyến khích, đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví điện tử, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code...) tại các điểm đến du lịch.

6. Đảm bảo nguồn lực chuyển đổi số

- Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Hằng năm, ưu tiên bố trí tối thiểu 1% tổng chi cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động lồng ghép với các đề án, chương trình, dự án của đơn vị mình, cân đối sắp xếp trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, tại thời điểm xây dựng dự toán hàng năm, các cơ quan căn cứ tiêu chuẩn, định mức và nội dung chi theo quy định hiện hành, lập dự toán chi tiết gửi Sở Thông tin và Truyền thông để kiểm tra, rà soát các nhiệm vụ chi nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp và tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn chi đầu tư phát triển) và Sở Tài chính (vốn chi thường xuyên) xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Đề án: **174.650 triệu đồng** (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi bốn tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng*). Trong đó:

Năm 2025:

- Vốn đầu tư: 0 đồng;

- Vốn sự nghiệp: 60.910 triệu đồng;

Giai đoạn 2026-2030:

- Vốn đầu tư: 0 đồng;

- Vốn sự nghiệp: 113.740 triệu đồng;

Các nhiệm vụ, dự án sẽ được cụ thể hóa trong Kế hoạch Chuyển đổi số hàng năm của tỉnh.

(Kèm theo phụ lục III)

2. Nguồn kinh phí thực hiện đề án: Ngân sách nhà nước, nguồn vốn doanh nghiệp đầu tư, vốn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh

Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh là cơ quan chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện Đề án.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là Cơ quan thường trực thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, địa phương, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai Đề án. Hằng năm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch năm triển khai thực hiện đề án, đồng thời đề xuất chỉnh bổ sung, đưa ra khỏi danh mục các nhiệm vụ, dự án không đảm bảo tính phù hợp, tính cần thiết, tránh đầu tư chồng chéo, trùng lặp gây lãng phí.

- Thẩm định các nhiệm vụ về Chuyển đổi số do các ngành, địa phương chủ trì thực hiện đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ trong Đề án đã được phê duyệt theo quy định. Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Đề án và phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Đầu mối phối hợp với Bộ, ngành, Trung ương trong triển khai các nền tảng số quốc gia; kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia để thu nhận, chia sẻ các cơ quan sử dụng, cung cấp công khai và mở cho người dân, doanh nghiệp.

- Chủ trì tham mưu và tổ chức cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy ngành công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng nhiệm vụ chuyển đổi số và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh truyền thông về nội dung và hiệu quả triển khai Đề án.

- Là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, địa phương thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số.

3. Công an tỉnh

Là Cơ quan thường trực thực hiện nhiệm vụ Đề án 06 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ liên quan đến Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh. Hằng năm lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.

- Đưa vào đánh giá thi đua khen thưởng trách nhiệm người đứng đầu về kết quả triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương mình.

- Tham mưu cho cấp có thẩm quyền thẩm định các nội dung liên quan đến việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai chuyển đổi số.

- Tham mưu UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm công nghệ thông tin trong các sở, ngành địa phương.

5. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nội dung thuộc Đề án của các đơn vị; chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan, tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Đề án theo đúng quy định.

6. Văn phòng UBND tỉnh

Tham mưu triển khai các nhiệm vụ liên quan đến Đề án 06 phục vụ quá trình chuyển đổi số, gắn với giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính; đảm bảo các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt; theo dõi, đôn đốc công tác giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, công bố trên cổng dịch vụ công Quốc gia góp phần phục vụ cho người dân và doanh nghiệp.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh quyết định, bố trí nguồn kinh phí đầu tư (từ nguồn ngân sách tỉnh, trung ương...) để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh theo đề án được phê duyệt theo quy định, bảo đảm kinh phí hàng năm (bao gồm cả vốn thường xuyên) tối thiểu 1% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, thành phố thông minh.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông lồng ghép nội dung giáo dục về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình cho học sinh, sinh viên; triển khai phổ cập kỹ năng số cho giáo viên, học sinh các cấp học, đặc biệt thanh thiếu niên tỉnh là lực lượng nòng cốt, hỗ trợ cho phụ huynh, người lớn tuổi.

9. Sở Công Thương

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan Chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh.

- Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, tham gia các sàn thương mại điện tử để quảng bá, giới thiệu và xuất khẩu sản phẩm hàng hóa trên môi trường mạng. Ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm có thể mạnh, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP, các sản phẩm nông nghiệp nông thôn và các sản phẩm du lịch tiêu biểu của tỉnh.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Đề án.

- Duy trì, phát triển ứng dụng du lịch thông minh; ứng dụng AI, trợ lý du lịch ảo và các công nghệ tiên tiến khác phục vụ du khách,...

- Số hóa các di sản văn hóa, phục vụ chuyển đổi số ngành.

11. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành theo Đề án.

- Chủ trì lựa chọn hệ thống CSDL ngành y tế địa phương phục vụ tích cực cho công tác quản lý, điều hành, dự đoán tình hình dịch bệnh và phục vụ khám chữa bệnh người dân để ứng dụng thử nghiệm và từng bước hoàn thiện.

12. Tỉnh đoàn Vĩnh Long

Tuyên truyền, hướng dẫn chuyển đổi số cho đoàn viên, thanh niên, xây dựng Đoàn thanh niên là lực lượng nòng cốt, xung kích, lan tỏa chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số.

13. Báo Vĩnh Long, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh

- Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

- Truyền thông lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

14. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh

- Triển khai chuyển đổi số cho doanh nghiệp thuộc quyền quản lý và đề dẫn dắt các doanh nghiệp ngành nghề khác trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số.

- Khuyến khích nghiên cứu, xây dựng các nền tảng, giải pháp công nghệ hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ; lên kế hoạch và tham gia hỗ trợ các doanh nghiệp ngành nghề khác và người dân, khách hàng của mình trong chuyển đổi số.

15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Bám sát chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tham mưu thực hiện cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh được tiếp cận tín dụng một cách thuận lợi.

- Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp công nghệ số nhằm hỗ trợ các sản phẩm chuyển đổi số chủ lực và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành và địa phương trong việc triển khai các chương trình, chính sách tín dụng để thúc đẩy chuyển đổi số.

16. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan Đảng, đoàn thể; các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

- Tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại phụ lục kèm theo của Đề án. Đồng thời, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng các dự án, kế hoạch triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý; trong đó xác định lộ trình, cân đối, phân kỳ nguồn lực đầu tư hợp lý để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ mang tính đột phá của ngành. Ngoài ra, có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, địa bàn mình phụ trách.

- Bố trí tối thiểu 01 biên chế chuyên trách công nghệ thông tin nằm trong tổng biên chế.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông.

- Triển khai hiệu quả Phần mềm CSDL và QLNN chuyên ngành, thiết lập CSDL dùng chung của đơn vị; tổ chức làm sạch, chia sẻ dữ liệu phục vụ chia sẻ cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng, đồng thời hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy mở rộng Kho dữ liệu với dữ liệu cộng đồng.

- Định kỳ trước ngày 10/12 hàng năm báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) tình hình, kết quả thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

I. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Đề án chuyển đổi số của tỉnh mang tính nền tảng, định hướng góp phần tạo nền móng vững chắc cho việc triển khai các chương trình chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến 2030 ở mọi mặt kinh tế - xã hội. Đồng thời, góp phần cải cách hành chính, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, đóng góp tích cực trong việc cung cấp thông tin phục vụ người dân, giảm thiểu khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa của tỉnh.

1. Hiệu quả quản lý của Chính quyền số

Chính quyền số với hạ tầng hiện đại, ứng dụng công nghệ nền tảng, điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính, công khai, minh bạch, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Cơ quan nhà nước mở dữ liệu tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân dễ dàng truy cập, sử dụng, khai thác, tạo ra các dịch vụ, sản phẩm mới góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số.

2. Hiệu quả của chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các cấp, các ngành và sự ủng hộ tích cực của toàn dân

Sự vào cuộc, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị được thể hiện thông qua hoạt động ban hành kịp thời, đúng lúc và sát với thực tiễn những cơ chế, chính sách thúc đẩy CDS, khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia. Việc chuyển đổi Chính quyền số và CDS trong các cơ quan của Đảng, Mặt trận, đoàn thể thành công sẽ làm động lực dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số. Trong quá trình thực hiện, cần kết hợp hài hòa, đồng bộ giữa các cấp và sự tham gia của người dân được xem là yếu tố cốt lõi đảm bảo sự thành công của CDS; nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác lãnh đạo, giám sát, tạo sự gắn kết và tăng hiệu quả tương tác, giao tiếp giữa đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân. Ngoài ra, các cấp, ngành, địa phương, người dân và doanh nghiệp cần phải luôn coi CDS là một nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong tình hình mới giúp địa phương bắt kịp với xu hướng phát triển không ngừng của CMCN 4.0.

3. Hiệu quả kinh tế số

Phát triển kinh tế số giúp tăng trưởng bền vững hơn do sử dụng nguồn tài nguyên mới (tài nguyên số và công nghệ số); tạo ra mô hình kinh doanh mới, mở ra cơ hội lao động, việc làm, thu nhập cho người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cuộc sống.

Chuyển đổi số doanh nghiệp thành công góp phần giúp doanh nghiệp thay đổi mô hình kinh doanh, quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động, phát triển thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bằng công nghệ số.

4. Hiệu quả xã hội số

Cùng với quan điểm xây dựng Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số thì quan điểm “Lấy người dân là trung tâm, là đối tượng để phục vụ” luôn được các nhà hoạch định chiến lược CDS hướng tới. Mục đích xây dựng Đề án này nhằm tăng cường sự tương tác của người dân, doanh nghiệp với CQNN, tăng cường tính minh bạch và nâng cao chất lượng dịch vụ. Trong môi trường CDS, người dân và doanh nghiệp sử dụng chủ yếu là các thiết bị di động thông minh để tương tác, thực hiện các giao dịch. Từ đó, hình thành văn hóa số gắn liền với hoàn thành mục tiêu CDS quốc gia, góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững.

Việc ứng dụng các công nghệ mới vào các lĩnh vực của đời sống xã hội tạo cơ hội để người dân trải nghiệm những dịch vụ mà trước nay chưa từng biết đến. Điều này góp phần thay đổi nhận thức của người dân về các hoạt động quản lý, điều hành của Nhà nước; tham gia sâu hơn vào chuyển đổi số; tăng cường tương tác với

chính quyền bởi tính tiện ích của các dịch vụ do chính quyền cung cấp, góp phần quan trọng vào sự thành công của Chính quyền số. Ngoài ra, dịch vụ tiện ích trong các lĩnh vực như Y tế, Giáo dục, ngân hàng, TMĐT,... giúp người dân tiết kiệm thời gian, công sức, hiệu quả cao hơn khi thực hiện giao dịch. Từ đó, giúp người dân thay đổi tư duy, nhận thức và sẵn sàng tham gia vào môi trường mới của thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0, đó là môi trường số.

5. Hiệu quả về nền tảng số

Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh, hiệu quả: việc lựa chọn và phát triển những giải pháp nền tảng phù hợp được xem như là phương pháp đột phá thúc đẩy CDS nhanh hơn và tiết kiệm hơn. Các giải pháp nền tảng số theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ đang là sự lựa chọn tối ưu của các nhà hoạch định chiến lược CDS bởi chúng có thể được truy cập mọi lúc, mọi nơi. Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm từ các quốc gia có kinh nghiệm CDS, các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới có thể giúp Tỉnh rút ngắn thời gian CDS, hạn chế được những rủi ro trong tương lai.

6. Hiệu quả trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

Trong môi trường CDS, người dân và doanh nghiệp đều tương tác trên môi trường không gian mạng. Vì vậy, việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin có vai trò đặc biệt quan trọng, là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, lâu dài và cấp bách của cả hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, người dân và doanh nghiệp cũng phải có trách nhiệm phối hợp để xây dựng môi trường không gian mạng an toàn, lành mạnh, sử dụng và khai thác hiệu quả. Việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin có ý nghĩa then chốt góp phần CDS thành công, bền vững và xuyên suốt.

II. NHỮNG RỦI RO CỦA ĐỀ ÁN

Những rủi ro có thể gặp phải của Đề án bao gồm:

- Thách thức về công nghệ, giải pháp kỹ thuật.
- Thúc do cơ cấu tổ chức và cơ chế chính sách không đồng bộ.
- Thiếu nguồn lực tài chính.
- Thiếu nguồn nhân lực.
- Người dân và doanh nghiệp không tham gia hoặc ngại tham gia chuyển đổi số.
- Tạo khoảng cách giữa các thể hệ trong môi trường số.

Vì vậy, sau khi Đề án được thông qua, việc triển khai thực hiện cần được chia thành các bước chi tiết để thực hiện; phân công tổ chức thực hiện cụ thể, rõ ràng; tập trung vào các giải pháp kỹ thuật, công nghệ cho các dự án thành phần; cơ chế quản lý, vận hành rõ ràng cả về mặt pháp lý và sử dụng nguồn tài chính của Đề án (kể cả ngân sách và nguồn tài trợ, nguồn vốn xã hội hóa từ doanh nghiệp). Đặc biệt, cần phải bám sát các hướng dẫn, cập nhật thường xuyên chỉ đạo của trung ương và địa phương về chuyển đổi số xuyên suốt quá trình triển khai thực hiện Đề án.

Phần V

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Tỉnh ủy Vĩnh Long đã có Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 ký ngày 16/11/2022.

Đề án được thực hiện trên quy mô toàn tỉnh đã đưa ra lộ trình với các bước đi theo thứ tự ưu tiên phù hợp với đặc trưng và thế mạnh của tỉnh. Tập trung ưu tiên chạy thí điểm ở địa bàn tỉnh và một số lĩnh vực như Y tế, Giáo dục, An ninh, Du lịch, Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội. Cùng với quyết tâm của lãnh đạo tỉnh, sự thông nhất vì sự phát triển của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường, thị trấn và sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp sẽ là cơ sở để Vĩnh Long xây dựng thành công chuyển đổi số.

Chuyển đổi số là công việc đòi hỏi phải có sự tham gia của các cấp, các ngành và toàn xã hội, do đó, cần phải được triển khai đồng bộ, có sự phối hợp, kết nối, chia sẻ rộng khắp. Chính quyền tỉnh Vĩnh Long rất mong nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành Trung ương và sự đồng hành của người dân, doanh nghiệp để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu của Đề án, góp phần đưa tỉnh Vĩnh Long vào danh sách các địa phương thu hút doanh nghiệp đầu tư tốt nhất, có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, bền vững; xã hội an toàn và người dân được hưởng phúc lợi tốt nhất./.

Phụ lục I**PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU ĐỀ ÁN CDS TỈNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Long)*

STT	Mục tiêu	Kết quả đạt được hiện nay	Chủ trì theo dõi, đơn đốc	Đơn vị thực hiện
Đến năm 2025				
I	Chính quyền số			
1.	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình.	Đã hoàn thành. Tiếp tục cập nhật khi có TTHC mới đủ điều kiện	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
2.	80% DVCTT toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	Đã hoàn thành. Tiếp tục cập nhật khi có TTHC mới đủ điều kiện	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
3.	100% DVCTT được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.	Đang thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
4.	100% người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền	Đang thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
5.	Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	Đang thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
6.	Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	98,92%	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
7.	90% tài liệu, văn bản và 70% tài liệu các cuộc họp của các cơ quan nhà nước không dùng tài liệu giấy đồng thời	Đang thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

STT	Mục tiêu	Kết quả đạt được hiện nay	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị thực hiện
	được số hóa, đưa vào kho lưu trữ dùng chung của tỉnh (ngoại trừ các tài liệu mật)			
8.	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật	Đang thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
9.	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (bao gồm các ngành đoàn thể, trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành
10.	80% hồ sơ công việc tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng (bao gồm các ngành đoàn thể, trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	90%	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp huyện,
11.	60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (bao gồm các ngành đoàn thể, trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	80%	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp xã
12.	100% cơ quan, đơn vị sử dụng chữ ký số theo quy định.	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
13.	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về KT-XH phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	100% báo cáo được thực hiện theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
14.	100% cơ quan nhà nước cung cấp DVCTT 24/7	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
15.	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.	70%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
16.	100% các cơ quan khối chính quyền trên địa bàn đảm bảo tập trung kết nối hệ thống mạng trực tiếp về Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

STT	Mục tiêu	Kết quả đạt được hiện nay	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị thực hiện
17.	100% mạng lưới, HTTT ứng dụng trong cơ quan nhà nước sang được chuyển đổi địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6)	60%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
18.	100% HTTT các cơ quan nhà nước và các đơn vị tham gia mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối, giám sát từ hệ thống điều hành, an toàn, an ninh mạng của tỉnh (SOC)	80%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
19.	100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành
20.	Triển khai thí điểm, thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, DVCTT và đảm bảo an toàn thông tin cá nhân	Đang thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
II	Kinh tế số			
1.	Phần đầu kinh tế số chiếm 10% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn)	7%	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
2.	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10% (những lĩnh vực ưu tiên như Nông nghiệp, Du lịch, Công nghiệp chế biến...);	7%	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
3.	Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng	Thường xuyên	Sở Công Thương	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
4.	Phần đầu 20% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh	3,36%	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
5.	100% sản phẩm OCOP được đưa trên các sàn thương mại điện tử nội địa	100%	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và	UBND cấp huyện, UBND cấp xã

STT	Mục tiêu	Kết quả đạt được hiện nay	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị thực hiện
			PTNT	
6.	Có ít nhất 10 sản phẩm, hàng hóa ứng dụng các công nghệ số truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng chủ lực của tỉnh	35 sản phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Khoa học và công nghệ	UBND cấp huyện, UBND cấp xã
III	Xã hội số			
1.	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang trên 80% hộ gia đình, đến 100% xã; phân đầu cơ bản mỗi hộ dân có ít nhất 01 điện thoại hoặc thiết bị thông minh	79% hộ gia đình, 100% cấp xã, 100% hộ gia đình có dt thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp viễn thông
2.	Ít nhất 50% người dân có tài khoản thanh toán điện tử	73,61%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Vĩnh Long và các ngân hàng khác; các ứng dụng ví điện tử, ...
3.	80% dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	Đang triển khai thực hiện	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh
4.	100% Trạm y tế xã, phường, thị trấn được triển khai ứng dụng hệ thống thông tin trạm y tế	Đang triển khai thực hiện	Sở Y tế	Trạm y tế xã, phường, thị trấn
5.	70% cơ sở giáo dục đến phổ thông thường xuyên triển khai dạy học trực tuyến	Đang triển khai thực hiện	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh
6.	100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số	Đang triển khai thực hiện	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh
7.	Trên 80% người dân được tiếp cận với dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thông qua Cổng dữ liệu của tỉnh	Đang triển khai thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

STT	Mục tiêu	Kết quả đạt được hiện nay	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị thực hiện
	(data.vinhlong.gov.vn)			
Đến năm 2030				
I	Chính quyền số			
1.	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	Đang triển khai thực hiện	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
2.	Các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh, từng bước mở dữ liệu của các cơ quan Nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, người dân khai báo một lần sử dụng trọn đời	Đang triển khai thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
3.	100% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).	cấp tỉnh đạt 100%, cấp huyện đạt 90%, cấp xã đạt 80%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
4.	70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Đang triển khai thực hiện	Thanh tra tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
5.	100% đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện chuyển đổi số	Đang triển khai thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
6.	90% dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang được phủ trên toàn tỉnh.	80%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp mạng, viễn thông
7.	70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Đang triển khai thực hiện	Thanh tra tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
8.	100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số bằng nhiều hình thức trực tuyến, trực tiếp	Đang triển khai thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

STT	Mục tiêu	Kết quả đạt được hiện nay	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị thực hiện
9.	Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp	Đang triển khai thực hiện	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
II	Kinh tế số			
1.	Kinh tế số chiếm 15% GRDP	7%	Cục Thống kê tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
2.	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số	Đang triển khai thực hiện	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
3.	Có ít nhất 40 sản phẩm, hàng hóa ứng dụng các công nghệ số truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng chủ lực của tỉnh	35 sản phẩm	Sở Khoa học và công nghệ, sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
III	Xã hội số			
1.	90% dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang được phủ trên toàn tỉnh	Đang thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	các nhà mạng trên địa bàn tỉnh
2.	Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G	Đang thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	các nhà mạng trên địa bàn tỉnh
3.	Trên 80% người dân có tài khoản thanh toán điện tử	73,61%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các ngân hàng, các ứng dụng ví điện tử,...

STT	Mục tiêu	Kết quả đạt được hiện nay	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Đơn vị thực hiện
4.	100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện tham gia cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số tập trung thông qua Cổng dữ liệu của tỉnh	100% cấp tỉnh; 0% cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
5.	Trên 90% các cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn có triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa	Các cơ sở đang xây dựng kế hoạch triển khai	Sở Y tế	các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh
6.	Trên 90% người dân các xã, phường, thị trấn thể truy cập hồ sơ bệnh án điện tử và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt	60%	Sở Y tế	các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh
7.	Trên 90% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học	Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường từ mầm non đến phổ thông đã tạo các kho tài liệu bài giảng, trên các hệ thống trang web của đơn vị https://vinhlong.edu.vn/	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh
8.	100% người dân được tiếp cận với dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước thông qua Cổng dữ liệu của tỉnh (data.vinhlong.gov.vn).	Đang triển khai thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

Phụ lục II**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Long)*

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
I	CHUYỂN ĐỔI NHẬN THỨC, XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH			
1.	Tổ chức hội nghị/hội thảo về chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Kế hoạch
2.	Tổ chức diễn tập thực chiến an toàn an ninh mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Kế hoạch
3.	Tổ chức các lớp tập huấn đào tạo, tập huấn cơ bản và chuyên sâu về chuyển đổi số, an toàn thông tin cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, CBCCVC trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Kế hoạch
II	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG, NỀN TẢNG SỐ			
1.	Hoàn thành Kế hoạch phối hợp thực hiện điều chuyển hạ tầng dùng chung từ phòng máy chủ - Văn phòng UBND tỉnh sang Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Vĩnh Long	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Quý I/2025	Báo cáo
2.	Xây dựng, hoàn thiện chuyển đổi các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6)	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý IV/2025	Báo cáo
III	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ			
1.	Ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược dữ liệu tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	2024-2025	Kế hoạch
2.	Triển khai Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh).	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2025	Báo cáo
3.	Tham mưu triển khai Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh (IOC)	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý I/2025	Kế hoạch

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
4.	Triển khai chính thức Nền tảng số dành cho người dân, doanh nghiệp (Smart Vĩnh Long)	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2025	Báo cáo
IV	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ			
1.	Xây dựng Kế hoạch thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Quý II/2025	Báo cáo
2.	Triển khai ứng dụng nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý IV/2025	Báo cáo
3.	Phát triển, hoàn thiện phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Vĩnh Long	Sở Khoa học và công nghệ	Quý IV/2025	Báo cáo
V	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ			
1.	Tiếp tục triển khai ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến.	Công an tỉnh	Hàng tháng	Báo cáo
2.	Triển khai nhân rộng Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý II/2025	Văn bản
3.	Triển khai giải pháp hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học, cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý IV/2025	Báo cáo
4.	Triển khai giải pháp hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt cho bệnh viện, cơ sở y tế.	Sở Y tế	Quý IV/2025	Báo cáo
VII	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC SỐ			
1.	Xây dựng kế hoạch triển khai chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý II/2025	Kế hoạch
2.	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý IV/2025	Báo cáo

Phụ lục III

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CỦA ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nhiệm vụ	Tổng cộng	Dự kiến kinh phí năm 2025		Dự kiến Kinh phí giai đoạn 2026-2030 (5 năm)		Ghi chú
			Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	
	Tổng cộng	174.650	60.910	0	113.740	0	
I	Sở Thông tin và Truyền thông	53.460	8.910		44.550		
1	Thuê dịch vụ, duy trì, nâng cấp hạ tầng số, các phần mềm dùng chung,...		8.400		42.000		Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025; Cụ thể hóa trong Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của tỉnh
2	Tổ chức đào tạo. tập huấn. cập nhật kiến thức. kỹ năng về chuyên đổi số. kỹ năng số cho lãnh đạo và CBCCVC. doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh; Tổ công nghệ số cộng đồng		510		2.550		Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025; Cụ thể hóa trong Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Tổng cộng	Dự kiến kinh phí năm 2025		Dự kiến Kinh phí giai đoạn 2026-2030 (5 năm)		Ghi chú
			Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	
	Trung tâm công nghệ thông tin	36.000	6.000		30.000		
1	Vận hành, thuê dịch vụ, duy trì, nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, hạ tầng số, các phần mềm dùng chung,...		6.000		30.000		Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025; Kinh phí nguồn sự nghiệp giai đoạn 2026-2030: dự kiến mỗi năm 6 tỷ đồng. Cụ thể hóa trong Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của tỉnh
II	Sở Giáo dục và đào tạo	2.650	1.400		1.250		
1	Phần mềm tuyển sinh đầu cấp		1.100				Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
2	Kho dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo		300		1.250		đề xuất xây dựng hệ thống này
3	Phát triển, nâng cấp các hệ thống thanh toán học phí, lệ phí điện tử không dùng tiền mặt						tiếp tục thực hiện
4	Tiếp tục triển khai nền tảng phục vụ hội nghị, đào tạo, tập huấn, giảng dạy trực tuyến						tiếp tục thực hiện
III	Sở Y tế	22.391	4.801		17.590		
1	Kho dữ liệu y tế tỉnh Vĩnh Long		1.320		6.930		Giai đoạn 2026-2030: đề xuất xây dựng hệ thống

STT	Nhiệm vụ	Tổng cộng	Dự kiến kinh phí năm 2025		Dự kiến Kinh phí giai đoạn 2026-2030 (5 năm)		Ghi chú
			Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	
2	Hệ thống thông tin xét nghiệm (LIS)		112		1.555		Giai đoạn 2026-2030: Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
3	Hồ sơ sức khỏe điện tử		913		4.105		Giai đoạn 2026-2030: Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
4	Hệ thống thông tin chẩn đoán hình ảnh/Hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh (RIS/PACS)		1.699				
5	Tích hợp, phát triển các ứng dụng liên quan có tính năng trí tuệ nhân tạo (AI)				5.000		Giai đoạn 2026-2030: Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
6	Trung tâm điều hành y tế thông minh		757				Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
IV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.700	2.450		1.250		
1	Cộng du lịch thông minh(Trung tâm xúc tiến du lịch)		150				Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
2	Triển khai xây dựng CSDL ngành Văn hóa, TTDL		300		1.250		Đề xuất xây dựng hệ thống này
3	Tích hợp bản đồ số du lịch		2.000				Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí

STT	Nhiệm vụ	Tổng cộng	Dự kiến kinh phí năm 2025		Dự kiến Kinh phí giai đoạn 2026-2030 (5 năm)		Ghi chú
			Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	
V	Sở Nội vụ	6.470	5.220		1.250		
1	Hệ thống Quản lý Cán bộ, công chức, viên chức		2.100				Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
2	Hệ thống thi đua khen thưởng						Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
3	Phần mềm quản lý CCHC của tỉnh						Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
4	Phần mềm quản lý CSDL tín ngưỡng, tôn giáo		2.820				Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
5	Kho dữ liệu ngành Nội vụ		300		1.250		Đề xuất xây dựng hệ thống này
VI	Sở Công Thương	2.772	1.522		1.250		
1	Thực hiện phát triển thương mại điện tử năm 2024		602				Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
2	Thực hiện đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại		620				Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
3	Hệ thống CSDL ngành Công Thương		300		1.250		Đề xuất xây dựng hệ thống này

STT	Nhiệm vụ	Tổng cộng	Dự kiến kinh phí năm 2025		Dự kiến Kinh phí giai đoạn 2026-2030 (5 năm)		Ghi chú
			Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	
4	Triển khai các kế hoạch/đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất cá thể trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh						đề xuất thực hiện trong giai đoạn 2025-2030
VII	Sở Khoa học và Công nghệ	2.250	400		1.850		
1	Triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm. hàng hóa tỉnh Vĩnh Long				250		Giai đoạn 2026-2030: Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
2	Triển khai xây dựng CSDL ngành Khoa học và công nghệ		300		1.250		Đề xuất xây dựng hệ thống này
3	Hệ thống quản lý trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long				100		Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
4	Hệ thống thông tin ngành khoa học và công nghệ tỉnh Vĩnh Long		100		250		Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
VIII	Sở Tư pháp	11.032	9.782		1.250		
1	Triển khai Đề án số hóa hồ sơ dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long		9.307				Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025

STT	Nhiệm vụ	Tổng cộng	Dự kiến kinh phí năm 2025		Dự kiến Kinh phí giai đoạn 2026-2030 (5 năm)		Ghi chú
			Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	
2	Triển khai xây dựng CSDL ngành Tư pháp		300		1.250		Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
3	Xây dựng các quy chế sử dụng các ứng dụng, phần mềm + mua sắm bản quyền windows và office, ổ cứng ...		175				Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
IX	Thanh tra tỉnh	11.635	8.385		3.250		
1	Quản lý hoạt động thanh tra. hỗ trợ xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh. kiểm tra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long		690				Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
2	Phần mềm quản lý theo dõi đơn thư. khiếu nại tố cáo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long		595				Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
3	Số hoá dữ liệu của Thanh tra tỉnh		6.800		2.000		Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025 Giai đoạn 2026-2030: đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
4	Hệ thống CSDL ngành Thanh tra		300		1.250		Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí

STT	Nhiệm vụ	Tổng cộng	Dự kiến kinh phí năm 2025		Dự kiến Kinh phí giai đoạn 2026-2030 (5 năm)		Ghi chú
			Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	
X	Sở Tài Nguyên và môi trường	3.050	1.800		1.250		
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Vĩnh Long		1.000				Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
2	Số hóa hồ sơ môi trường của Chi cục BVMT		500				Sở Tài chính đang tổng hợp trình dự toán 2025
3	Hệ thống CSDL tài nguyên và môi trường		300		1.250		Đề xuất xây dựng hệ thống này
XI	Sở Nông nghiệp và PTNT	7.000	3.000		4.000		
1	Kho dữ liệu ngành nông nghiệp và PTNT		300		2.500		Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
2	Nâng cấp CSDL ngành nông nghiệp trên nền tảng				1.500		Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
3	Xây dựng CSDL phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long		1.200				Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
4	Tích hợp, phát triển các ứng dụng liên quan có tính năng trí tuệ nhân tạo (AI)		1.500				Trợ lý ảo về tư vấn về sâu bệnh, dịch hại. Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí

STT	Nhiệm vụ	Tổng cộng	Dự kiến kinh phí năm 2025		Dự kiến Kinh phí giai đoạn 2026-2030 (5 năm)		Ghi chú
			Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	
5	Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác						đề xuất thực hiện trong giai đoạn 2025-2030
6	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát nguồn gốc, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản từ địa phương khác nhập vào tỉnh, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác						đề xuất thực hiện trong giai đoạn 2025-2030
XII	Sở Giao thông vận tải	1.550	300		1.250		
1	Kho dữ liệu ngành giao thông vận tải		300		1.250		Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
XIII	Sở Tài chính	1.550	300		1.250		
1	Kho dữ liệu ngành tài chính		300		1.250		Đề xuất xây dựng hệ thống này
XIV	Sở Xây dựng	1.550	300		1.250		
1	Triển khai Hệ thống CSDL ngành xây dựng		300		1.250		Đơn vị đề xuất nhưng chưa được cấp kinh phí
XV	Sở Lao động, TB&XH	1.550	300		1.250		
1	Xây dựng Hệ thống CSDL ngành Lao động, TBXH		300		1.250		Đề xuất xây dựng hệ thống này

STT	Nhiệm vụ	Tổng cộng	Dự kiến kinh phí năm 2025		Dự kiến Kinh phí giai đoạn 2026-2030 (5 năm)		Ghi chú
			Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	Nguồn sự nghiệp	nguồn đầu tư	
XVI	Văn phòng UBND tỉnh		540				
1	Mua máy tính bảng phục vụ các cuộc họp		540				Đơn vị đề xuất
XVII	Công an tỉnh	5.500	5.500				
1	Dự án số hóa hồ sơ dân cư, đăng ký xe và tài liệu hình thành phổ biến trong Công an tỉnh		3.300				Đầu tư phần mềm số hóa, thiết bị lưu trữ, máy scan ... Đơn vị đề xuất
2	Đầu tư trang bị hệ thống camera giám sát việc chấp hành quy định về an toàn giao thông (phạt nguội)		2.200				Đơn vị đề xuất
XVIII	UBND cấp huyện						
1	Số hóa, xây dựng hạ tầng điện chiếu sáng công cộng trên nền GIS; triển khai lắp đặt hệ thống cảm biến, thiết bị IoT hạ tầng điện chiếu sáng công cộng, quản lý và giám sát tập trung, điều khiển tự động						đề xuất thực hiện trong giai đoạn 2025-2030